

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1189/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 04 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình:
Nâng cấp, khắc phục sửa chữa đường nước sinh hoạt tại huyện Quan Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp, khắc phục sửa chữa đường nước sinh hoạt tại huyện Quan Hóa;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 29/TTr-SNN&PTNT ngày 07/3/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc đề nghị thẩm định và phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Nâng cấp, khắc phục sửa chữa đường nước sinh hoạt tại huyện Quan Hóa;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 1595/SXD-HĐXD ngày 27/3/2019 của Sở Xây dựng về việc đề nghị phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Nâng cấp, khắc phục sửa chữa đường nước sinh hoạt tại huyện Quan Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Nâng cấp, khắc phục sửa chữa đường nước sinh hoạt tại huyện Quan Hóa với những nội dung sau:

1. Tên công trình: Nâng cấp, khắc phục sửa chữa đường nước sinh hoạt tại huyện Quan Hóa.

2. Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật cấp III.

3. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Địa điểm xây dựng: Bản Chiềng, bản Pạo, bản Bó xã Trung Sơn; bản trung tâm xã Trung Thành và bản Pu xã Thành Sơn, huyện Quan Hóa.

5. Quy mô đầu tư và giải pháp thiết kế:

Nâng cấp, khắc phục sửa chữa các công trình cấp nước sinh hoạt tại 5 bản thuộc 3 xã Trung Thành, Trung Sơn và Thành Sơn, huyện Quan Hóa với

quy mô đầu tư như sau: Xây dựng mới và cải tạo 05 đập đầu nguồn (02 đập xây mới, 03 đập cải tạo); xây mới và cải tạo 56 bể chứa (10 bể xây mới, 46 bể cải tạo); cải tạo 01 bể lọc; Thay ống hồng khoảng 11.173m đường ống HDPE đường kính từ DN32 đến DN63 và ống TTK.

3.1. Hạng mục công trình cấp nước sinh hoạt tại xã Trung Sơn:

a) Bản Bó:

Xây dựng mới 01 đập đầu nguồn kích thước 7x1,6x1m bê tông đá 1x2 mác 250; sân hạ lưu kích thước 7x1m, thượng lưu kích thước 7x1,5m bê tông đá 1x2 mác 200, tường cánh ở sân thượng lưu kích thước 1,5x0,3m bê tông đá 1x2 mác 250; một thô thu nước kích thước 0,8x0,65x1m và đường ống cấp xuống mạng.

Xây dựng mới 02 bể chứa mới kích thước 2x1,5x1,3m bê tông cốt thép đá 1x2 mác 200; Cải tạo 09 bể chứa thay van, vôi làm lại nắp bể, trát trong, ngoài bể vữa XM mác 75 chống thấm, cải tạo sân kích thước 1,5x2x0,1m; bờ sân kích thước kích thước 4,8x0,1x0,1m và rãnh thoát nước kích thước 1,5x0,1x0,4m.

Cải tạo 01 bể cất áp kích thước 1,2x1,2x1m thay các hệ thống đường ống, van trong bể, trát trong, trát ngoài vữa XM mác 75 và làm mới tấm nắp.

Tuyến đường ống làm mới 3300m đường ống cấp nước. Trong đó HDPE D63 dài 2190 m; HDPE D50 dài 310m; HDPE D40 dài 395m; HDPE D32 dài 375m và TTK D50 dài 30 m. Trên tuyến đường ống có lắp các van chặn và van xả cặn.

b) Bản Chiềng:

Cải tạo 01 đập đầu nguồn: Dọn vệ sinh đập, thay thế các van, hệ thống đường ống cấp vào mạng và làm lại hồ thu, nắp.

Cải tạo 01 bể lọc kích thước 1,5x2x3,2m thay thế hệ thống van, hệ thống đường ống, vật liệu trong bể lọc; đổ bê tông xung quanh bể lọc rộng 1x0,1m và trát trong, ngoài vữa XM mác 75 chống thấm.

Xây dựng mới 01 bể chứa kích thước 1,5x3,2x1,3m bê tông cốt thép đá 1x2 mác 200. Cải tạo 11 bể chứa: thay van, vôi làm lại nắp bể, trát trong, ngoài bể vữa XM mác 75 chống thấm, cải tạo sân kích thước 1,5x3,2x0,1m; bờ sân kích thước 6x0,1x0,1m và rãnh thoát nước kích thước 1,5x0,1x0,4m.

Tuyến đường ống làm mới 2611m đường ống cấp nước. Trong đó HDPE D63 dài 1020m; HDPE D50 dài 820m; HDPE D40 dài 273m; HDPE D32 dài 438m và TTKD50 dài 60m. Trên tuyến đường ống có lắp các van chặn, van xả cặn và 2 tầng đờ 01 cái 20mP63 và 01 cái 20m P50.

c) Bản Pạo:

Xây dựng mới 01 đập đầu nguồn kích thước 8x1,6x1m bê tông đá 1x2 mác 250; sân hạ lưu KT 8x1,5m, thượng lưu KT 8x1m bê tông đá 1x2 mác 250, tường cánh ở sân thượng lưu KT1,5x0,3m bê tông đá 1x2 mác 250; một thô thu nước KT 0,8x0,65x1m và đường ống cấp xuống mạng.

Xây mới 01 bể lọc: Kích thước 1,5x2x3,2m bê tông cốt thép đá 1x2 mác 200, hệ thống đường ống bằng thép tráng kẽm.

Xây dựng mới 04 bể chứa mới kích thước 2x1,5x1,3m bê tông cốt thép đá 1x2 mác 200; Cải tạo 08 bể chứa thay van, vòi làm lại nắp bể, trát trong, ngoài bể vữa XM mác 75 chống thấm, cải tạo sân kích thước 1,5x2x0,1m; bờ sân kích thước 4,8x0,1x0,1m và rãnh thoát nước kích thước 1,5x0,1x0,4m.

Tuyến đường ống làm mới 2385m đường ống cấp nước. Trong đó HDPE D63 dài 1440m; HDPE D50 dài 280m; HDPE D40 dài 250m; HDPE D32 dài 295m và TTK D50 dài 70m; TTK D25 dài 50m. Trên tuyến đường ống có lắp các van chặn, van xả cặn và 2 tầng đờ (02 cái 50mP63).

3.2. Hạng mục công trình cấp nước sinh hoạt tại xã Trung Thành (Bản Trung Tâm):

Cải tạo 01 đập đầu nguồn: Dọn vệ sinh đập, thay thế các van, hệ thống đường ống cấp vào mạng và làm lại hồ thu, nắp.

Xây dựng mới 02 bể chứa kích thước 2x1,5x1,3m bê tông cốt thép đá 1x2 mác 200; Cải tạo 07 bể chứa thay van, vòi làm lại nắp bể, trát trong, ngoài bể vữa XM mác 75 chống thấm, cải tạo sân kích thước 1,5x2x0,1m; bờ sân kích thước 4,8x0,1x0,1m và rãnh thoát nước kích thước 1,5x0,1x0,4m.

Tuyến đường ống làm mới 595 m đường ống cấp nước. Trong đó HDPE D63 dài 440m; HDPE D50 dài 75m; HDPE D32 dài 40m và TTK D50 dài 40m. Trên tuyến đường ống có lắp các van chặn và van xả cặn.

3.3. Hạng mục công trình cấp nước sinh hoạt tại xã Thành Sơn (Bản Pu):

Cải tạo 01 hồ thu đầu nguồn, dọn vệ sinh đập, thay thế các van, hệ thống đường ống cấp vào mạng và làm lại nắp hồ thu.

Cải tạo 01 bể cát áp kích thước 1,2x1,2x1m thay các hệ thống đường ống, van trong bể, trát trong, trát ngoài vữa XM mác 75 và làm mới tấm nắp.

Xây dựng mới 01 bể chứa kích thước 1,5x3,2x1,3m bê tông cốt thép đá 1x2 mác 200. Cải tạo 11 bể chứa: thay van, vòi làm lại nắp bể, trát trong, ngoài bể vữa XM mác 75 chống thấm, cải tạo sân kích thước 1,5x3,2x0,1m; bờ sân kích thước 6x0,1x0,1m và rãnh thoát nước kích thước 1,5x0,1x0,4m.

Tuyến đường ống làm mới 2318 m đường ống cấp nước. Trong đó HDPE D63 dài 285m; HDPE D50 dài 1170m; HDPE D40 dài 320m; HDPE D32 dài 435m và TTKD50 dài 72m; TTKD40 dài 6m; TTK D25 dài 30m. Trên tuyến đường ống có lắp các van chặn, van xả cặn và 3 tầng đờ 02 cái 50m P50 và 01 cái 15m P32.

6. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 4.486.868.000 đồng

(Bằng chữ: Bốn tỷ, bốn trăm tám mươi sáu triệu, tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 3.580.858.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án: 89.944.642 đồng.
- Chi phí tư vấn ĐTXDCT: 432.891.809 đồng.

- Chi phí khác: 210.602.172 đồng.
- Chi phí dự phòng: 172.571.865 đồng.

(Chi tiết tổng mức đầu tư có phụ lục kèm theo).

7. Nguồn vốn: Từ nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ, dự phòng ngân sách tỉnh theo Quyết định số 3735/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 và văn bản số 14473/UBND-THKH ngày 19/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa. Trường hợp phát sinh chi phí bồi thường GPMB, giao UBND huyện Quan Hóa huy động các nguồn vốn hợp pháp của huyện để triển khai thực hiện.

8. Thời gian thực hiện: Năm 2019.

9. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chủ đầu tư) tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng.

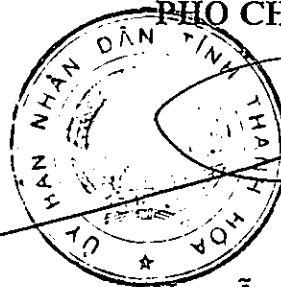
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Quan Hóa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền



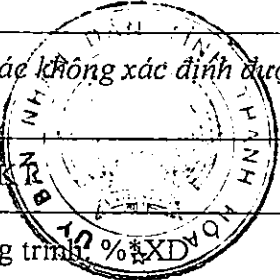
BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ

CÔNG TRÌNH NÂNG CẤP, KHÁC PHỤC SỬA CHỮA ĐƯỜNG NƯỚC SINH HOẠT TẠI HUYỆN QUAN HÓA

(Kèm theo Quyết định số: 1189 /QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị : đồng

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền		
				Trước VAT	Thuế VAT	Sau VAT
I	Chi phí xây dựng	Gxd	Theo bảng tổng hợp chi phí XD	3.255.325.455	325.532.545	3.580.858.000
II	Chi phí quản lý dự án	Gqlda	2,763% *Gxd	89.944.642		89.944.642
III	Chi phí tư vấn xây dựng	Gtvxd		393.538.009	39.353.801	432.891.809
1	Chi phí khảo sát xây dựng		Quyết định số 75/QĐ-SNN&PTNT ngày 19/02/2019	145.321.922	14.532.192	159.854.114
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát		nt	4.359.657	435.966	4.795.623
3	Chi phí lập báo cáo KTKT		4,149% *Gxd	135.063.453	13.506.345	148.569.798
4	Chi phí thẩm tra TKBVTC		0,197% *Gxd	6.412.991	641.299	7.054.290
5	Chi phí thẩm tra dự toán		0,191% *Gxd	6.217.672	621.767	6.839.439
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng		2,566% *Gxd	83.531.651	8.353.165	91.884.816
7	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT thi công XDCT		0,388% *Gxd	12.630.663	1.263.066	13.893.729
IV	Chi phí khác	CPK		197.534.732	13.067.441	210.602.172
1	Chi phí hạng mục chung					
1.1	Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công		Theo bảng tổng hợp chi phí	58.769.309	5.876.931	64.646.240



1.2	Chi phí một số công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế		Theo bảng tổng hợp chi phí	67.022.109	6.702.211	73.724.320
2	Phí thẩm định BCKTK		0,019% *TMĐT	855.000		855.000
3	Chi phí bảo hiểm công trình %XD		0,150% *Gxd	4.882.988	488.299	5.371.287
4	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán		0,950% *TMĐT	42.750.000		42.750.000
5	Thẩm định HSMT, thẩm định kết quả đấu thầu: %*XD		0,100% *Gxd	3.255.325		3.255.325
6	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN		Theo văn bản số 2814/BXD-GĐ ngày 30/12/2013	20.000.000		20.000.000
V	Chi phí dự phòng (4%)	DP	(I+II+III+IV)*4%			172.571.865
VI	Tổng cộng					4.486.868.489
	Làm tròn					4.486.868.000

Bằng chữ: Bốn tỷ, bốn trăm tám mươi sáu triệu, tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng ./.